

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

Bản án số: 73/2025/HS-ST
Ngày 13-6-2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Bà Bùi Thị Nguyệt.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** + Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.
+ Ông Trần Ngọc Luân.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Thị Yến – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:** Ông Ngô Đức Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2025/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2025, đối với:

1. Quản Thị H, sinh năm 1986 tại tỉnh Hà Nam; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Đ, xã V, thị xã K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quản Đức M và bà Dương Thị G; chồng là Lê Đình T; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2022 (trong đó 01 con chung với Lê Đình T); tiền án, tiền sự: Không; áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15/02/2025, có mặt tại phiên toà.

2. Lê Đình T, sinh năm 1983 tại tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn Đ, xã V, thị xã K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Th và bà Vũ Thị L; vợ là Quản Thị H; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2022 (trong đó 01 con chung với Quản Thị H); tiền án, tiền sự: Không; áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15/02/2025, có mặt tại phiên toà.

3. Trần Xuân M, sinh năm 1981 tại tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi ĐKKHKT và cư trú: Tổ dân phố Q, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q và bà Phạm Thị Th (đều đã chết); vợ là Vũ Thị H; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15/02/2025, có mặt tại phiên toà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng K
Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, thị xã K, tỉnh Hà Nam.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1974
Địa chỉ: Thôn Ch, xã V, thị xã K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.
Người đại diện theo ủy quyền: Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thị xã K, tỉnh Hà Nam (theo Giấy ủy quyền ngày 12/6/2015). Có mặt.
2. Anh Quán Văn H, sinh năm 1985
Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, thị xã K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.
3. Ông Đỗ Quang H, sinh năm 1964
Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, thị xã K, tỉnh Hà Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2022, Quán Thị H, sinh ngày 10/06/1986, trú tại: thôn Đ, xã V, thị xã K, tỉnh Hà Nam mượn khu đất của ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1962 tại thôn T, xã Đ, huyện K (nay là tổ dân phố T, phường Đ, thị xã K), tỉnh Hà Nam để mở cơ sở trạm trộn bê tông và có đăng ký hộ kinh doanh số 06C8000605, đăng ký ngành nghề kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng cát, đá, xi măng, bê tông, sắt thép, cọc bê tông. Quá trình hoạt động Lê Đình T, sinh năm 1983, trú tại thôn Đ, xã V, thị xã K, tỉnh Hà Nam là chồng của Quán Thị H có làm việc cùng, công việc hàng ngày đi thị trường tìm khách hàng, khi H không có mặt ở trạm trộn thì T quản lý chỉ đạo công nhân làm việc. Ngoài ra H thuê Trần Xuân M, sinh năm 1981, trú tại tổ dân phố Q, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam là công nhân phụ trách lái xe xúc lật và dọn dẹp các chất thải của trạm trộn. Quá trình hoạt động của trạm trộn có phát sinh các chất thải gồm hỗn hợp cát, đá, xi măng và nước khi vệ sinh xe chở bê tông và cỏi trộn (thường gọi là trạc bê tông), không tái sử dụng được nhưng H không xây dựng hệ thống thu gom, xử lý chất thải không ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân xử lý chất thải nào mà tự thu gom.

Khoảng tháng 5/2024, ông Đỗ Quang H, sinh năm 1964, trú tại thôn Đ, xã L, thị xã K, tỉnh Hà Nam là khách hàng thân quen mua bê tông của trạm trộn bê tông do H làm chủ có đánh một cây buồm ở trên khu đất nông nghiệp của ông Nguyễn Tiến M, sinh năm 1969, trú tại tổ dân phố Tr, phường D, thị xã D, cách trạm trộn bê tông 110m về phía Tây thuộc tổ dân phố T, phường Đ, thị xã K và để lại một hũng sâu vị trí giáp tường rào nhà anh Vũ Văn S, sinh năm 1981 ở bên cạnh nên ông H hỏi Lê Đình T có bê tông thừa thì cho ông H xin để lấp hũng. T đã về trao đổi thống nhất với Quán Thị H về việc đổ trạc bê tông cho ông H, H đồng ý để T chỉ đạo Trần Xuân M hàng ngày sử dụng xe xúc lật vận chuyển trạc bê tông của trạm trộn đến khu đất trên đó. Khoảng một tháng sau, ông H phát hiện T cho ông là chất thải trạc bê tông mà không phải là bê tông thừa, đổ đóng nhiều tràn ra sát tường rào nhà anh S nên đã bảo T không được đổ ra đó nữa và yêu cầu T bốc xúc chất thải đi. T không bốc xúc đi xử lý mà chỉ đạo M điều khiển xe xúc lật san gạt chất thải đã đổ ra trước đó tại chỗ. Sau đó khi M hỏi T chỗ đổ chất thải thì T chỉ đạo M tiếp tục đổ ra khu đất trũng tiếp giáp vị trí đổ thải trước đó về phía đường nhựa (khu đất nông nghiệp của các hộ ông Nguyễn Tiến

M, bà Đỗ Thị T, sinh năm 1940, trú tại tổ dân phố T, phường Đ, thị xã K). Từ đó, hàng ngày vào khoảng 17-18 giờ, M tiếp tục vận chuyển chất thải của trạm trộn đổ ra môi trường theo chỉ đạo của T. Ngày 15/12/2024, khi Trần Xuân M đang đổ chất thải thì bị Đội CSĐTTP về HSKT-MT Công an thị xã K phối hợp với Công an phường Đ phát hiện lập biên bản vụ việc.

Quá trình giải quyết, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Kim Bảng đã phối hợp với VKSND thị xã Kim Bảng, Phòng tài nguyên môi trường thị xã Kim Bảng và chính quyền địa phương lập biên bản về việc bốc xúc, cân toàn bộ chất thải đổ trái quy định tại khu đất nông nghiệp của các hộ ông Nguyễn Tiến M, bà Đỗ Thị T, xác định khối lượng chất thải là 192.740 kg. Ngoài ra Cơ quan CSĐT Công an thị xã Kim Bảng tiến hành khảo sát tại trạm trộn bê tông của Quản Thị H còn phát hiện tại khu vực rửa xe chuyên chở bê tông được xây dốc về phía bờ sông M, cuối dốc có tường bao để làm bể lắng, phía sau có một rãnh để thoát nước thải ra sông. Chất thải phát sinh từ việc rửa xe chuyên chở bê tông không được thu gom xử lý theo quy định, một phần chất thải chảy tràn ra sông M lâu ngày lắng đọng tạo thành một bãi chất thải xi măng và cát đông kết. Tiến hành bốc xúc, cân chất thải ở khu vực này xác định khối lượng chất thải là 12.910 kg. Tổng khối lượng chất thải của trạm trộn bê tông của Quản Thị H làm chủ đã đổ, thải trái phép ra môi trường là 205.650 kg.

Vật chứng, tài sản thu giữ:

- 01 chiếc xe xúc lật nhãn hiệu FURUKAWA FL305, màu vàng xanh, tình trạng xe cũ đã qua sử dụng.

- 205.650 (Hai trăm linh năm nghìn sáu trăm năm mươi) kilogam chất thải rắn thông thường.

- 01 (một) chiếc USB bên trong lưu trữ 71 đoạn video ghi nhận diễn biến các lần chiếc xe xúc lật mang chất thải của trạm trộn bê tông đổ thải ra môi trường từ ngày 19/10/2024 đến ngày 15/12/2024 do camera an ninh của Công an phường Đại Cương ghi lại, lưu trữ.

* Khám nghiệm hiện trường: Trạm trộn bê tông của Quản Thị H thuộc địa phận thôn T, xã Đại C, huyện K, tỉnh Hà Nam. Trạm trộn bê tông này có phía Bắc tiếp giáp với sông M, phía Nam tiếp giáp với nhà chị H tiếp đến là đường ĐT498C, phía Đông tiếp giáp với nhà ông L, phía Tây tiếp giáp với đất nhà ông S, có lối đi vào phía Đông Nam ra đường ĐT498C. Góc phía Đông Bắc là vị trí văn phòng làm việc. Tại vị trí khu vực giữa trung tâm trạm trộn là bãi tập kết nguyên vật liệu, sân và đường nội bộ để xe vận chuyển nguyên vật liệu và bê tông ra vào. Tiếp đến tại khu vực phía Bắc tiếp giáp với sông M là vị trí đặt phễu tiếp liệu, silo xi măng, cối trộn bê tông. Phía Tây bên hông phễu tiếp liệu là vị trí khu vực rửa, vệ sinh xe chở bê tông các loại có kích thước (10 x 2,9)m. Nước thải sau khi rửa, vệ sinh xe được chảy trực tiếp theo đường rãnh xuống sông M. Tại khu vực phía sau phễu tiếp liệu là vị trí bãi đổ thải xuống khu vực mép sông M. Chất thải dạng hỗn hợp xi măng, cát đông kết tạo thành bề mặt khô, màu xám trắng, điểm đầu bãi thải là vị trí mương dẫn nước thải từ khu vực rửa xe chở bê tông của Quản Thị H mở rộng đến phần cạnh rìa mép nước sông Măng G, trên bề mặt bãi thải có rải rác bèo (lục bình) khô, phía ngoài sông, tiếp giáp với bãi thải này là mép nước có lớp bèo tươi, không quan sát thấy mặt nước, diện tích bãi thải 122m² (vị trí số 1). Tiếp đến từ khu vực lối ra vào bãi trạm trộn bê tông đi về phía Tây theo đường ĐT498C 110m là lối dẫn vào thửa đất số 40, tờ phụ lục số 1,

thuộc địa phận thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Thửa đất này có phía Bắc tiếp giáp với bãi để vật liệu nhà anh Q. Phía Đông tiếp giáp với nhà ông S. Phía Nam tiếp giáp với đường ĐT498C. Phía Tây tiếp giáp với nhà anh Qu. Trên thửa đất này từ mép đường ĐT498C về phía Bắc 31m, cạnh phía Đông lối đi là bãi đổ chất thải gồm hỗn hợp cát, đá, xi măng ẩm, màu xám xanh có diện tích 107m² (vị trí số 2). Tại vị trí bãi đổ thải này có 01 xe máy xúc lật nhãn hiệu FURUKAWA FL305. Tiếp đến tiếp giáp bãi thải này về phía Đông Bắc là khu vực đổ thải gồm đất đá, và bùn bê tông thải loại đã khô màu xám trắng, trên diện tích 320m² (vị trí số 3).

* Kết quả xác minh khu đất đổ thải: Căn cứ Công văn số 68/CV-TNMT ngày 23/01/2025 của Phòng tài Nguyên và môi trường thị xã Kim Bảng, Công văn số 01/CV-UBND ngày 13/01/2025 của UBND phường Đại Cương và tài liệu điều tra xác định vị trí bãi đổ thải số 2 và số 3 là đất nông nghiệp (LUK, BHK) thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Tiên M, sinh năm 1969, trú tại tổ dân phố Tr, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1940, trú tại tổ dân phố T, phường Đ, thị xã K, tỉnh Hà Nam. Các vị trí đổ thải không được quy hoạch là bãi đổ thải, không được cấp phép đổ thải.

Tại Bản kết luận giám định số 9975/KL-KTHS ngày 27/12/2024 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Các mẫu chất thải ký hiệu từ M1 đến M9 gửi giám định đều không phải là chất thải nguy hại. Căn cứ khoản 10 Điều 3 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các mẫu chất thải trên đều là chất thải rắn thông thường.

Cáo trạng số 75/CT-VKSKB ngày 19/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố bị cáo Quản Thị H về tội: “Gây ô nhiễm môi trường” theo điểm d khoản 2 Điều 235 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Đình T và Trần Xuân M bị truy tố về tội: “Gây ô nhiễm môi trường” theo điểm g khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kim Bảng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 235, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Quản Thị H từ 18 tháng đến 21 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng. Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 235, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đình T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 235, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Xuân M từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 235 Bộ luật hình sự cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Quản Thị H số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước. Các bị cáo Lê Đình T, Trần Xuân M là người lao động làm thuê nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Trả lại cho Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng K 01 chiếc xe xúc lật nhãn hiệu FURUKAWA FL305, màu vàng xanh. Tịch thu tiêu hủy 205.650

kg chất thải rắn, đối với 01 chiếc USB được lưu theo hồ sơ vụ án. Án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với cáo trạng, luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Không ai tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định đó. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo Quản Thị H, Lê Đình T và Trần Xuân M tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội tại Cơ quan điều tra, lời khai phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản vụ việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã thu thập. Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2024 đến ngày 15/12/2024, Quản Thị H đã đồng ý để Lê Đình T chỉ đạo Trần Xuân M điều khiển máy xúc lật vận chuyển 192.740 kg chất thải rắn thông thường của trạm trộn bê tông phát sinh khi vệ sinh xe chở bê tông và cối trộn đổ ra khu đất nông nghiệp của các hộ ông Nguyễn Tiến M, bà Đỗ Thị T cách trạm trộn bê tông 110m về phía Tây thuộc tổ dân phố T, phường Đ, thị xã K mà không thực hiện biện pháp xử lý gì đối với số chất thải này. Ngoài ra H còn xây dựng khu vực vệ sinh xe chở bê tông có rãnh để thoát nước thải ra sông M và để công nhân sau khi chở bê tông cho khách về thì dùng nước vệ sinh xe chở bê tông ở đó, một phần chất thải phát sinh từ quá trình vệ sinh xe chở bê tông chưa qua xử lý chảy theo rãnh xuống sông M lâu ngày tạo thành bãi chất thải đông kết có khối lượng 12.910 kg là chất thải rắn thông thường. Tổng khối lượng chất thải Quản Thị H thải ra môi trường là 205.650 kg chất thải rắn thông thường. Lê Đình T chỉ đạo Trần Xuân M đổ ra môi trường 192.740 kg chất thải rắn thông thường. Hành vi của Quản Thị H, Lê Đình T, Trần Xuân M đã vi phạm quy định tại Điều 81, 82 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường.

Tính chất, mức độ tội phạm các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, làm biến đổi tính chất vật lý, hóa học, sinh học của thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên. Do đó, hành vi của bị cáo Quản Thị H đã phạm tội: “Gây ô nhiễm môi trường” theo điểm d khoản 2 Điều 235 của Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo Lê Đình T và Trần Xuân M đã phạm tội: “Gây ô nhiễm môi trường” theo điểm g khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong vụ án này, bị cáo Quản Thị H là chủ cơ sở trạm trộn bê tông đổ thải ra môi trường 205.650 kg chất thải rắn thông thường nên giữ vai trò chính. Các bị

cáo Lê Đình T trực tiếp chỉ đạo Trần Xuân M đổ ra môi trường 192.740 kg chất thải rắn thông thường nên giữ vai trò thứ hai; Trần Xuân M trực tiếp đổ ra môi trường 192.740 kg chất thải rắn thông thường nên giữ vai trò đồng phạm.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lê Đình T, Trần Xuân M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Quản Thị H có ông nội là Quản Văn N được Nhà nước tặng thưởng huân chương, hộ gia đình tặng bằng khen trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bị cáo Trần Xuân M từng tham gia hoàn thành nghĩa vụ quân sự, có bố là Trần Văn Qu được Nhà nước tặng thưởng huân chương do có thành tích trong quân đội, bị cáo là con bệnh binh nên bị cáo H, M còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về hình phạt:

Hình phạt chính: Từ những phân tích trên, xét thấy các bị cáo Quản Thị H, Lê Đình T và Trần Xuân M có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ. Vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 235 Bộ luật hình sự cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Quản Thị H số tiền 10.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Các bị cáo Lê Đình T, Trần Xuân M là người lao động làm thuê nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 205.650 kg chất thải rắn thông thường thu giữ tại vị trí đổ thải trái quy định, đã được cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Chi cục THADS thị xã Kim Bảng giao trách nhiệm trông coi, quản lý ngày 22/5/2025 cho UBND phường Đ là vật chứng của vụ án, vật không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc xe xúc lật nhãn hiệu FURUKAWA FL305, màu vàng – xanh, tình trạng xe cũ đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng K (là Công ty TNHH một thành viên), địa chỉ tại Đ, xã V, thị xã K, tỉnh Hà Nam, công ty cho Quản Thị H mượn chiếc xe trên để hoạt động sản xuất nhưng không biết việc H sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội do đó cần trả lại chiếc xe này cho công ty là phù hợp quy định pháp luật.

- Đối với 01 chiếc USB được lưu theo hồ sơ vụ án.

[6] Về các vấn đề khác:

Hành vi của Quản Thị H kinh doanh không đúng địa điểm đã đăng ký trên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp, vi phạm khoản 2 Điều 6 Nghị định 98/2020/NĐ-CP 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh H chưa

làm thủ tục kê khai mua bán hàng hóa và sử dụng hóa đơn theo quy định của Luật Quản lý thuế, vi phạm khoản 4 Điều 10 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam đã có các văn bản đề nghị UBND thị xã Kim Bảng và Đội thuế liên huyện Phủ Lý - Kim Bảng xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Đỗ Quang H: Quá trình điều tra Quản Thị H và Lê Đình T cho rằng ông H xin chất thải và tự liên hệ hướng dẫn anh Trần Xuân M đổ chất thải ra khu đất cách trạm trộn 100m về phía Tây, tuy nhiên ông H không thừa nhận việc trên, ngoài lời khai của Lê Đình T không có tài liệu nào khác chứng minh. Do vậy không có căn cứ để xử lý đối với ông Đỗ Quang H đồng phạm về tội “Gây ô nhiễm môi trường”.

Đối với những người lao động vệ sinh xe chở bê tông không nhận thức được việc làm của Quản Thị H là phạm tội, mặt khác không có căn cứ để xác định khối lượng chất thải của từng người xả ra sông M là bao nhiêu nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với ông Nguyễn Tiến M và bà Đỗ Thị T là những người có diện tích đất nông nghiệp có chứa chất thải rắn thông thường do bị can Trần Xuân M hằng ngày đổ thải ra. Tuy nhiên khi M thực hiện việc đổ thải ông M, bà T không biết nên không đồng phạm về tội “Gây ô nhiễm môi trường”.

[7] Ân phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự: Căn cứ vào điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 235, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Quản Thị H; điểm g khoản 1 Điều 235, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Đình T; điểm g khoản 1 Điều 235, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Xuân M. Căn cứ khoản 1, điểm c khoản 2, 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Quản Thị H, Lê Đình T và Trần Xuân M phạm tội "Gây ô nhiễm môi trường".

Xử phạt bị cáo Quản Thị H 21 (Hai mươi một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 42 (Bốn mươi hai) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Lê Đình T 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Quản Thị H và Lê Đình T cho Ủy ban nhân dân xã V, thị xã K, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân M 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Xuân M cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

* Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Quản Thị H 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 205.650 kg chất thải rắn thông thường (205.650 kg chất thải rắn hiện UBND phường Đ đang trông coi, quản lý, theo biên bản làm việc giao, nhận vật chứng ngày 22/5/2025 của cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kim Bảng).

Trả lại cho Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng K 01 chiếc xe xúc lật nhãn hiệu FURUKAWA FL305, màu vàng – xanh, tình trạng xe cũ đã qua sử dụng (Tình trạng, đặc điểm vật chứng nêu trên theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/5/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Quản Thị H, Lê Đình T và Trần Xuân M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí.

4. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thị xã Kim Bảng;
- Chi cục THADS thị xã Kim Bảng;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt